

Bản án số: 216/2021/HC-PT
Ngày: 24/11/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán cây rừng trồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường và ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/TBTL-TA ngày 10 tháng 8 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán cây rừng trồng*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-PT ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 355/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Trọng Đ; địa chỉ: xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện: Bà Trần Thị L; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị. (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Hồ Thanh X, Nguyễn B, Lê C; cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Tuyết N (có mặt) và ông Võ Ngọc M (vắng mặt); địa chỉ: tỉnh Quảng Trị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị H; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Tuyết N (có mặt) và ông Võ Ngọc M (vắng mặt); địa chỉ: tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/12/2007, ông Hoàng Trọng Đ và nhóm hộ là các ông Hồ Thanh X, Nguyễn B, Lê C đã thỏa thuận (bằng miệng) bán cho ông Hoàng Trọng Đ 10 ha rừng trồng bao gồm các lô A1, A2, A3 khoảnh 3, thuộc tiểu khu 841TR và 842TR (rừng trồng thuộc quản lý của UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị) với giá 340.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong ông Đ đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 30/12/2007 ông Đ đã trả cho nhóm hộ 250.000.000 đồng (có viết giấy biên nhận tiền).

Sau khi nhóm hộ làm xong thủ tục xin khai thác rừng, hai bên tiến hành làm hợp đồng mua bán rừng có xác nhận của UBND xã H ngày 24/8/2009.

Ngoài ra, tại các biên bản ghi lời khai của cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Trị, lấy lời khai các ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B, ông Lê C thì nhóm hộ đã khai là: có bán 10 ha rừng cho ông Đ và ông Đ đã trả tiền cho nhóm hộ 2 lần là 300.000.000 đồng; Và tại đơn khẩn cầu gửi cho các cơ quan của Trung ương thì nhóm hộ thừa nhận chỉ bán rừng cho ông Đ và nhận tiền của ông Đ, đồng thời đã giao hồ sơ khai thác rừng, phiếu thu lệ phí khai thác rừng của UBND xã H cho ông Đ để khai thác.

Ngày 22/11/2009, bà Đào Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” do khai thác rừng trên của ông Đ. Việc khai thác rừng giữa ông Đ và nhóm hộ không thực hiện được như thỏa thuận trong giấy bán rừng, ông Đ đã trả đủ tiền cho nhóm hộ nhưng nhóm hộ không giao tài sản đã bán.

Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc nhóm hộ ông Hồ Thanh X, Nguyễn B và Lê C phải trả lại cho ông Đ số tiền 300.000.000 đồng tiền mua 10 ha rừng.

Tại các văn bản trình bày ý kiến ngày 19/01/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng bị đơn ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B, ông Lê C trình bày:

Tháng 12/2007, nhóm hộ gồm ông X, ông B và ông C quyết định bán lô rừng 327, trồng keo tai tượng năm 1995, ông X điện báo cho bà Đào Thị H biết để giao dịch mua bán. Sáng ngày 25/12/2007, ông Đ và bà H đi xem rừng cùng với nhóm hộ ông X, ông B và ông C, sau đó nhóm hộ thỏa thuận bán cho ông Đ và bà H giá 340.000.000 đồng, đặt cọc trước 50.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2007, ông Đ và bà H trả số tiền 250.000.000 đồng, trong khi giao tiền thì có mặt cả bà H và ông Đ, còn tiền của ai thì nhóm hộ không biết; ông Đ viết giấy nhận tiền đưa cho ông X đại diện nhóm hộ ký nhưng lúc này các bên chưa ký hợp đồng. Khi biết ông Đ ký hợp đồng với nhóm hộ với tư cách là người mua rừng, bà H đã phản đối vì cho rằng số tiền mua rừng là của bà H vay Ngân hàng để mua chứ không phải của ông Đ.

Ngày 05/9/2009, nhóm hộ ký tiếp Giấy xác nhận sự việc mua bán rừng cho bà H để bà H khai thác rừng theo hợp đồng đã thỏa thuận. Tuy nhiên, khi bà H tiến hành khai thác rừng thì bị ông Đ tố cáo, cho rằng bà H có hành vi trộm cắp tài sản. Bà H bị khởi tố, truy tố và đến ngày 18/11/2010 thì bà H được Tòa án xét xử và tuyên bố không phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Do rừng để lâu không khai thác dẫn đến không có đất để trồng mới nên từ ngày 18/7/2012 đến ngày 08/10/2012, nhóm hộ đã liên tục gửi Thông báo cho bà H và ông Đ đến để giải quyết nhưng chỉ có bà H đến trả 40.000.000 đồng nợ cũ và 123.000.000 đồng bồi thường thiệt hại phát sinh do để cây 03 năm không khai thác, tổng cộng bà H đã trả cho nhóm hộ thêm số tiền 163.000.000 đồng.

Ngày 31/10/2012, UBND huyện H phê duyệt cho nhóm hộ (các đồng bị đơn) được khai thác lô rừng trên, các đồng bị đơn đã bàn giao lô rừng trồng trên cho bà H khai thác.

Ngày 06/11/2012, bà H nhận hồ sơ khai thác và làm bản cam kết với nhóm hộ với nội dung sau: *xảy ra tranh chấp giữa bà H và ông Đ thì bà H xin chịu hoàn toàn trách nhiệm, không liên quan đến nhóm hộ*". Sau đó bà H tiến hành khai thác, nhóm hộ không liên quan.

Các bị đơn khẳng định có bán rừng cho hai người là bà H và ông Đ, đã nhận tiền, đã làm đầy đủ thủ tục và bàn giao cho một trong hai người khai thác. Do đó, các đồng bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng Đ.

Về số tiền đã thi hành án theo Bản án KDTM sơ thẩm số 06/2014/KDTM- ST ngày 17/4/2014 của TAND tỉnh Quảng Trị và Bản án KDTM phúc thẩm số 35/2014/KDTM-PT ngày 04/9/2014 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng (đã có hiệu lực nhưng đã bị hủy theo Quyết định giám đốc thẩm số 27/2017/KDTM-GĐT ngày 15/11/2017 của TAND tối cao); như sau:

Ngày 27/3/2015, Cục THADS tỉnh Quảng Trị đã buộc các đồng bị đơn phải nộp tiền án phí số tiền 15.600.000 đồng (đã thi hành), mỗi bị đơn phải nộp 5.200.000đ;

Ngày 20/8/2015 và ngày 24/8/2015 Cục THADS tỉnh Quảng Trị tiếp tục phong tỏa tài sản và cưỡng chế các đồng bị đơn phải nộp 240.000.000 đồng. Mỗi bị đơn phải nộp 80.000.000đ (đã nộp xong).

Do đó, các đồng bị đơn ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B và ông Lê C yêu cầu Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị phải trả lại số tiền án phí đã thu là 15.600.000đ (mỗi bị đơn là 5.200.000đ) và yêu cầu ông Hoàng Trọng Đ phải trả lại số tiền 240.000.000 đồng tiền thi hành án đã nhận và tiền lãi phát sinh từ thời gian chiếm giữ số tiền trên cho đến ngày xét xử sơ thẩm lại (10/6/2021); cụ thể phải trả lại cho mỗi bị đơn là 80.000.000đ tiền thi hành án đã nhận và 44.576.000 đồng tiền lãi, tổng cộng trả cho mỗi bị đơn là 124.576.000đ.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 05/02/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H trình bày:

Nhất trí với ý kiến của các đồng bị đơn về quá trình mua bán rừng và khẳng định số tiền mua rừng 300.000.000 đồng là của bà H vay Ngân hàng. Bà H là người tiến hành giao dịch ký hợp đồng mua rừng với nhóm hộ ông X, ông B, ông C. Sau khi đặc cọc 50.000.000 đồng và viết giấy nhận tiền ngày 25/12/2007, bà H vay Ngân hàng 250.000.000 đồng để trả tiếp cho các đồng bị đơn, ông Đ là người viết giấy nhận tiền và giữ luôn giấy này. Vì tin tưởng ông Đ nên bà H nghĩ ai giữ giấy cũng được và không kiểm tra lại giấy nhận tiền mà ông Đ viết. Ông Đ đã cố tình lừa dối để chiếm hữu lô rừng nên đã hợp thức hóa bằng Giấy nhận tiền ngày 25/12/2007, ghi thêm chữ "Nhận tiền anh Hoàng Trọng Đ" để nói rằng lô rừng này là của ông Đ. Do đó bà H đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng Đ.

Bản án KDTM sơ thẩm số 06/2014/KDTM-ST ngày 17/4/2014 của TAND tỉnh Quảng Trị quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng Đ, buộc các

bị đơn ông Hồ Thanh X, Nguyễn B, Lê C trả lại số tiền 300.000.000 đồng tiền mua rừng cho ông Hoàng Trọng Đ (trong đó phần của mỗi người là 100.000.000 đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Trị kháng nghị, nguyên đơn ông Hoàng Trọng Đ, các bị đơn ông Hồ Thanh X, Nguyễn B, Lê C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H đều kháng cáo bản án sơ thẩm.

Bản án KDTM phúc thẩm số 35/2014/KDTM-PT ngày 04/9/2014 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng quyết định: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 23/10/2014, ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B, ông Lê C và ngày 12/12/2014, bà Đào Thị H đều có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm bản án KDTM phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 27/2017/KDTM-GĐT ngày 15/11/2017 của TAND tối cao quyết định: Hủy bản án KDTM phúc thẩm số 35/2014/KDTM-PT ngày 04/9/2014 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng và bản án KDTM sơ thẩm số 06/2014/KDTM-ST ngày 17/4/2014 của TAND tỉnh Quảng Trị, giao hồ sơ cho TAND tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm lại với lý do:

Thứ nhất, trong vụ án này, tranh chấp phát sinh giữa các cá nhân không có đăng ký kinh doanh, do đó, cần xác định lại quan hệ tranh chấp trong là “tranh chấp dân sự” chứ không phải “tranh chấp kinh doanh, thương mại” như Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã xác định.

Thứ hai, về Hợp đồng mua bán cây rừng trồng: Có căn cứ xác định nhóm hộ (các bị đơn) bán 10ha rừng trồng cho cả ông Đ và bà H. Tuy nhiên, về người trả số tiền mua rừng giữa ông Đ và bà H khai nhận không thống nhất với nhau, nhưng Tòa án các cấp chưa thu thập chứng cứ đầy đủ để làm rõ ai là người trả tiền mua rừng, nếu cả hai cùng trả thì ông Đ, bà H mỗi bên đã trả cụ thể bao nhiêu tiền.

Thứ ba, bà H là người trả cho bị đơn số tiền 40.000.000 đồng số tiền còn nợ khi mua rừng và 123.000.000 đồng tiền bồi thường do khai thác chậm trong 03 năm cho các bị đơn và cũng chính bà H là người trực tiếp khai thác rừng đã mua và cam kết với nhóm hộ nếu khai thác rừng có tranh chấp với ông Đ thì bà H sẽ chịu trách nhiệm, ông Đ là người mua rừng nhưng không khai thác dù nhóm hộ đã có thông báo yêu cầu khai thác để trả lại đất cho nhóm hộ. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cho rằng nhóm hộ đã chấm dứt hợp đồng mua bán rừng với ông Đ, xác lập hợp đồng mua bán rừng với bà H để buộc nhóm hộ trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho ông Đ là không có cơ sở.

Thứ tư, vì vậy nếu ông Đ cho rằng bà H khai thác rừng không đảm bảo quyền lợi của mình thì có quyền khởi kiện bà H bằng một vụ án khác.

Ngày 14/5/2020, TAND tỉnh Quảng Trị thụ lý lại vụ án để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Ngày 18/6/2020, TAND tỉnh Quảng Trị ban hành Quyết định số 01/2020/QĐST-DS “đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn” do ông Hoàng Trọng Đ có đơn rút đơn khởi kiện.

Ngày 24/6/2020, ông Hoàng Trọng Đ kháng cáo quyết định đình chỉ yêu cầu trên. Và tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo số 196/2020/QĐ-DSPT ngày 22/9/2020 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng quyết định: Hủy Quyết định “đình chỉ yêu cầu của

nguyên đơn” số 01/2020/QĐST-DS ngày 18/6/2020 của TAND tỉnh Quảng Trị, chuyển hồ sơ lại cho TAND tỉnh Quảng Trị tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Ngày 09/11/2020, TAND tỉnh Quảng Trị thụ lý lại vụ án để giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 388, 405 Bộ luật dân sự 2005; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Trọng Đ về việc yêu cầu các bị đơn ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B, ông Lê C phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng tiền mua rừng trồng cho ông Đ.

2. Về hậu quả của việc thi hành án:

Buộc ông Hoàng Trọng Đ phải trả lại cho ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B, ông Lê C số tiền 240.000.000 đồng, tương ứng mỗi người là 80.000.000 đồng (là số tiền đã thi hành án theo các phiếu thu số PT 2015/370, PT 2015/371, PT 2015/381, PT 2015/382 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị mà ông Đ đã nhận số tiền này).

Yêu cầu Cục thi hành án tỉnh Quảng Trị phải trả lại cho ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B, ông Lê C số tiền án phí đã thi hành là 15.600.000 đồng, tương ứng mỗi người là 5.200.000 đồng (theo các phiếu thu số PT 2015/149, PT 2015/173, PT 2015/174, PT 2015/216, PT 2015/217, PT 2015/218 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

Trả lại cho bà Đào Thị H số tiền án phí đã thi hành 200.000 đồng (theo phiếu thu số PT 2014/150 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14/6/2021, các ông Hồ Thanh X, Nguyễn B, Lê C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Hoàng Trọng Đ phải trả khoản tiền lãi trên số tiền gốc 80.000.000 đồng với mức lãi suất 9,6%/năm tính từ ngày 20/8/2015 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2021), với số tiền lãi là 44.576.000 đồng cho mỗi người.

- Ngày 23/6/2021, ông Hoàng Trọng Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại sơ thẩm, vì bản án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và giải quyết không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Về yêu cầu xin rút đơn khởi kiện của ông Hoàng Trọng Đ: Tại Đơn yêu cầu ngày 18/11/2021, ông Hoàng Trọng Đ có nêu một số nội dung:

- Xin rút toàn bộ đơn khởi kiện vụ án đối với các bị đơn đã nêu trên để khởi kiện bằng một vụ án khác;

- Trường hợp Tòa vẫn tiến hành xét xử theo yêu cầu của bị đơn thì ông đề nghị xem xét các nội dung theo đơn kháng cáo của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của ông Hoàng Trọng Đ, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục giải quyết vụ án theo nội dung yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Hoàng Trọng Đ, nhận thấy:

[2.1] Về tố tụng: Xét thấy trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị xác định tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/6/2021: “Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự”. Do đó, ông Đ kháng cáo cho rằng Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Ông Hoàng Trọng Đ cho rằng số tiền mua rừng 300.000.000 đồng (50.000.000 đồng đặt cọc ngày 25/12/2007 và 250.000.000 đồng trả ngày 30/12/2007) của nhóm hộ ông X, ông B, ông C là tiền của ông Đ. Bà Đào Thị H cho rằng giữa bà và ông Đ có mối quan hệ thân thiết và xác định Giấy giao tiền ngày 25/12/2007 là do ông Đ viết, vì tin tưởng nên bà không kiểm tra, còn số tiền 300.000.000 đồng trả tiền mua rừng là của bà, nguồn tiền là do bà vay ngân hàng. Nhóm hộ ông X, ông B, ông C xác định sau khi ông Đ và bà H đi xem rừng thì nhóm hộ thỏa thuận bán rừng cho ông Đ, bà H; khi giao tiền và ký nhận tiền ngày 25/12/2007 bà H cũng có mặt, còn tiền của ai thì nhóm hộ không rõ. Đến ngày 22/8/2009, ông Đ gặp nhóm hộ yêu cầu ký hợp đồng bán rừng cho ông Đ. Sau đó bà H biết việc ông Đ ký riêng hợp đồng mua rừng với nhóm hộ thì bà H phản đối và yêu cầu nhóm hộ ký Giấy xác nhận ngày 05/9/2009 với nội dung nhận tiền bán rừng của ông Đ và bà H. Như vậy có cơ sở xác định việc mua bán 10ha rừng trồng giữa nhóm hộ với ông Đ, bà H là có thật.

[2.2.2] Sau khi vụ án hình sự xét xử bà Đào Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” kết thúc, Tòa án tuyên bố bà H không phạm tội “Trộm cắp tài sản”, nhóm hộ đã nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà H tiến hành thủ tục khai thác rừng, (trong đó đã thông báo bằng văn bản cho ông Đ 02 lần vào các ngày 18/7/2012 và ngày 08/10/2012 với nội dung: Yêu cầu ông Đ vào gặp nhóm hộ tiến hành các thủ tục khai thác, trả lại đất để nhóm hộ trồng mới và nêu hậu quả nếu ông Đ không khai thác thì mọi thiệt hại nhóm hộ không chịu trách nhiệm, nhưng ông Đ không có phản hồi), chỉ có bà H trực tiếp đến giải quyết với nhóm hộ và trả hết số tiền nợ 40.000.000 đồng của hợp đồng mua bán rừng; bồi thường

thiệt hại cho nhóm hộ 123.000.000 đồng, là khoản thiệt hại phát sinh do trong 03 năm chậm khai thác. Sau khi được UBND huyện H phê duyệt khai thác rừng, nhóm hộ đã bàn giao cho bà H khai thác lô rừng.

Từ phân tích trên, án sơ thẩm xác định: Trong hợp đồng mua bán cây rừng trồng, bên bán đã nhận đủ tiền và bên mua đã khai thác xong, việc mua bán đã hoàn tất. Do đó, án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ về buộc các bị đơn, ông X, ông B, ông C phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng. Đồng thời giải quyết hậu quả việc thi hành án, buộc ông Đ phải trả 240.000.000 đồng cho nhóm hộ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông Đ kháng cáo, nhưng không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các ông Hồ Thanh X, Nguyễn B, Lê C về việc buộc ông Hoàng Trọng Đ phải trả khoản tiền lãi trên số tiền gốc 80.000.000 đồng với mức lãi suất 9,6%/năm tính từ ngày 20/8/2015 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2021), với số tiền lãi là 44.576.000 đồng cho mỗi người, nhận thấy: Ông Hoàng Trọng Đ nhận số tiền trên là kết quả của việc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị thi hành Bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án và Việc thi hành được thực hiện trước khi có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/2017/KN-KDTM ngày 07/7/2017; nên ông Đ không có lỗi trong việc nhận số tiền này, do đó án sơ thẩm bác yêu cầu tính lãi suất của nhóm hộ là đúng, nên kháng cáo của các ông Hồ Thanh X, Nguyễn B, Lê C không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Hoàng Trọng Đ và Lê C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Hồ Thanh X và ông Nguyễn B là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Trọng Đ và các bị đơn ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B và ông Lê C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 388, 405 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Trọng Đ về việc yêu cầu các bị đơn ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B, ông Lê C phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng tiền mua rừng trồng cho ông Đ.

- Về hậu quả của việc thi hành án:

+ Buộc ông Hoàng Trọng Đ phải trả lại cho ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B, ông Lê C số tiền 240.000.000 đồng, tương ứng mỗi người là 80.000.000 đồng (là số tiền đã

thi hành án theo các phiếu thu số PT 2015/370, PT 2015/371, PT 2015/381 và PT 2015/382 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị mà ông Đ đã nhận số tiền này).

+ Hoàn trả lại cho ông Hồ Thanh X, ông Nguyễn B, ông Lê C số tiền án phí đã thi hành là 15.600.000 đồng, tương ứng mỗi người là 5.200.000 đồng (theo các phiếu thu số PT 2015/149, PT 2015/173, PT 2015/174, PT 2015/216, PT 2015/217, PT 2015/218 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị); Hoàn trả cho bà Đào Thị H số tiền án phí đã thi hành 200.000 đồng (theo phiếu thu số PT 2014/150 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Hoàng Trọng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000848 ngày 02/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Ông Lê C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000847 ngày 02/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hồ Thanh X và ông Nguyễn B.

3. Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 10/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSDNCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Dương sự;
- Lưu HCTP, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào